TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HS-ST
Ngày 05-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2024/HSST ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST–HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, tại tỉnh Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú: Ấp NL, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Khu phố PH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: Không rõ (đã chết) và bà Huỳnh Thị D, sinh năm: Không rõ (đã chết); bị cáo có 02 anh em, lớn sinh năm 1960, nhỏ là bị cáo; có chồng là ông Lê Quốc K, sinh năm 1961 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 13/10/2023, bị cáo bị bắt phạm tội quả tang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát. Đến ngày 19/10/2023, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Thị Mỹ X, sinh năm 1978, tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp TĐ, xã ML, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Khu phố X1, phường PT, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ VK, sinh năm: Không rõ (đã chết) và bà Viên TN, sinh năm: Không rõ; bị cáo có 09 chị em, lớn nhất sinh năm không rõ, nhỏ nhất sinh năm không rõ; có chồng là ông Nguyễn Thành T2, sinh năm 1978 (không có đăng ký kết hôn) và có 03 con,

lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 13/10/2023, bị cáo bị bắt phạm tội quả tang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát. Đến ngày 19/10/2023, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Hồ Thị M, sinh năm 1980, tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: Khu phố X8, thị trấn PV, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Khu phố X1, phường PT, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ VP sinh năm 1949 và bà Lưu Thị S, sinh năm 1954 (đã chết); bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1984; có chồng là ông Trần Hoàng D, sinh năm 1976 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 13/10/2023, bị cáo bị bắt phạm tội quả tang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát. Đến ngày 19/10/2023, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Thị C, sinh năm 1991, tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú: Ấp CĐ, xã T4, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Khu phố PH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần TT, sinh năm 1952 và bà Tô Thị T5, sinh năm 1963; bị cáo có 07 chị em, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1996; có chồng là ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 13/10/2023, bị cáo bị bắt phạm tội quả tang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát. Đến ngày 19/10/2023, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Thị Tú Q, sinh năm 1996, tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp Ông T, xã VA, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Khu phố PN, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn E, sinh năm 1977 và bà Trần MT, sinh năm 1977; bị cáo có 04 chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2003; có chồng là ông Nguyễn VQ, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 19/10/2023, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Võ Thanh N, sinh năm 2004; hộ khẩu thường trú: Ấp LT, xã TL, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: Khu phố PH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T, Trần Thị C, Hồ Thị Mỹ X, Trần Thị Tú Q, Hồ Thị M có quan hệ quen biết nhau.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13/10/2023, Trần Thị C, Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M đến phòng trọ số 17 nhà trọ TT thuộc khu phố PH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Nguyễn Thị T thuê ở tổ chức ăn uống. Đến khoảng 08 giờ 40 phút cùng ngày, T, C, X và M cùng rủ nhau chơi bài tứ sắc thắng thua bằng tiền. Lúc này, T đi mua 01 bộ bài tứ sắc rồi đem qua phòng trọ số 18, nhà trọ TT của chị Võ Thanh N là cháu ngoại của T thuê ở để cùng C, X, M đánh bạc (lúc này N đi làm không có ở phòng). Trong lúc chơi, T quy ước, cứ 04 ván bài, người chơi phải nộp 10.000 đồng tiền xâu vào hộp giấy để trên chiếu bạc cho T. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Q đi đến nhà trọ TT chơi thì thấy T, C, X và M đang chơi bài tứ sắc thắng thua bằng tiền, Q vào thế tụ của T, cùng tham gia đánh bạc.

Cách thức chơi bài tứ sắc thắng thua bằng tiền của cả nhóm như sau: Mỗi ván bài mỗi người đặt cược 20.000 đồng, người thắng sẽ được tất cả số tiền những người còn lại đã đặt cược. Nếu ngay từ lúc chia bài, người nào có 04 lá bài giống nhau (gọi là Quan) thì sẽ hạ bài cho những người chơi biết và mỗi người thua sẽ phải đưa 40.000 đồng cho người thắng.

Đến khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng Công an phường Hòa Lợi đến kiểm tra phát hiện T, C, X, Q và M đang đánh bài tứ sắc thắng thua bằng tiền nên bắt giữ quả tang cùng tang vật gồm:

- Tiền trên chiếu bạc: 6.120.000 đồng (Trần Thị C 1.500.000 đồng, Nguyễn Thị T 1.510.000 đồng, Hồ Thị M X 860.000 đồng, Trần Thị Tú Q 1.100.000 đồng, Hồ Thị M 920.000 đồng và tiền xâu 230.000 đồng);

- Tiền thu trên người 11.830.000 đồng (Trần Thị Tú Q 6.710.000 đồng; Hồ Thị M X 4.500.000 đồng, Trần Thị C 620.000 đồng);

- 01 bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra, Trần Thị C, Nguyễn Thị T, Hồ Thị Mỹ X, Trần Thị Tú Q, Hồ Thị M, khai nhận như sau:

- Nguyễn Thị T khai: T mang theo số tiền 1.450.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Khi lực lượng Công an đến kiểm tra, T thắng 60.000 đồng, bị thu giữ 1.510.000 đồng trên chiếu bạc;

- Trần Thị C khai: C mang theo số tiền 2.000.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Khi lực lượng Công an đến kiểm tra, C thắng 120.000 đồng, bị thu giữ 1.500.000 đồng trên chiếu bạc và 620.000 đồng trên người;

- Hồ Thị Mỹ X khai: X mang theo số tiền 5.500.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Khi lực lượng Công an đến kiểm tra, X thua 140.000 đồng, bị thu giữ 860.000 đồng trên chiếu bạc và 4.500.000 đồng trên người;

- Hồ Thị M khai: M mang theo số tiền 1.700.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Khi lực lượng Công an đến kiểm tra, M thua 780.000 đồng, bị thu giữ 920.000 đồng trên chiếu bạc;

- Trần Thị Tú Q khai: Q mang theo số tiền 7.710.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Khi lực lượng Công an đến

kiểm tra, Q thắng 100.000 đồng, bị thu giữ 1.100.000 đồng trên chiếu bạc và 6.710.000 đồng trên người.

Như vậy, tổng số tiền dùng để đánh bạc của Trần Thị C, Nguyễn Thị T, Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M và Trần Thị Tú Q là 6.740.000 đồng, trong đó tiền thu trên chiếu bạc là 6.120.000 đồng, thu trên người dùng để đánh bạc là 620.000 đồng của Trần Thị C.

Tại Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 21/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M, Trần Thị C và Trần Thị Tú Q về tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và nội dung bản Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 21/02/2024.

Tại phần tranh luận:

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát theo Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 21/02/2024 đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M, Trần Thị C và Trần Thị Tú Q về tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T số tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hồ Thị Mỹ X số tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hồ Thị M số tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thị C số tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thị Tú Q số tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.740.000 đồng (sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 6.710.000 đồng (sáu triệu bảy trăm mười nghìn đồng) thu giữ của Trần Thị Tú Q và 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của Hồ Thị Mỹ X để đảm bảo thi hành án.

Phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, thống nhất với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát truy tố và đề nghị.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M, Trần Thị C và Trần Thị Tú Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13/10/2023, tại phòng trọ số 18, nhà trọ TT thuộc khu phố PH, phường HL, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Thị T quản lý sử dụng, T đã có hành vi tổ chức cho Trần Thị C, Hồ Thị Mỹ X, Trần Thị Tú Q và Hồ Thị M đánh bạc dưới hình thức chơi bài "tứ sắc" thắng thua bằng tiền nhằm mục đích thu tiền xâu và trực tiếp tham gia đánh bạc. Khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, khi lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện thu giữ được tổng số tiền dùng để đánh bạc là 6.740.000 đồng (sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 21/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp với hành vi thực tế mà các bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M, Trần Thị C và Trần Thị Tú Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, tác động xấu đến nếp sống văn minh trong xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ pháp luật Nhà nước nghiêm cấm mọi hoạt động đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần phải xét xử các bị cáo thật nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị T còn là con của liệt sĩ Nguyễn Văn Qui nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Và bị cáo Trần Thị C là phụ nữ có thai nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tính chất đồng phạm: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc. Tuy nhiên, bị cáo T là người chuẩn bị công cụ phương tiện để thực hiện hành vi đánh bạc và người trực tiếp thu tiền xâu. Do đó, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo T sẽ cao hơn các bị cáo còn lại.

[4] Đối chiếu với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M, Trần Thị C và Trần Thị Tú Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền đánh bạc ít. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình thức phạt tiền được quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo cũng có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội mà không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt của các bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 6.740.000 đồng. Xét đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng: Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào sử dụng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền 6.710.000 đồng của Trần Thị Tú Q và 4.500.000 đồng của Hồ Thị Mỹ X. Xét đây là tiền thu giữ trên người bị cáo Q và X không có cơ sở chứng minh bị cáo Q và X sử dụng số tiền này nhằm mục đích đánh bạc. Do đó, không tịch thu nộp ngân sách Nhà nước mà cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Q và X.

[6] Đối với Võ Thanh N do không biết T sử dụng chỗ ở của mình để đánh bạc, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N là có căn cứ.

[7] Về án phí:

Các bị cáo Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M, Trần Thị C và Trần Thị Tú Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M, Trần Thị C và Trần Thị Tú Q phạm tội: "Đánh bạc".

2. Về điều khoản áp dụng và mức hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Mỹ X số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hồ Thị M số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị C số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tú Q số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

3.1. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 133/2024/LCCT-TA ngày 01/3/2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị T kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3.2. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 134/2024/LCCT-TA ngày 01/3/2024 đối với bị cáo Hồ Thị Mỹ X kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3.3. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 135/2024/LCCT-TA ngày 01/3/2024 đối với bị cáo Hồ Thị M kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3.4. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 136/2024/LCCT-TA ngày 01/3/2024 đối với bị cáo Trần Thị C kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3.5. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 137/2024/LCCT-TA ngày 01/3/2024 đối với bị cáo Trần Thị Tú Q kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

4.1. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.740.000 đồng (sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

4.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng.

4.3. Tiếp tục tạm giữ số tiền 6.710.000 đồng (sáu triệu bảy trăm mười nghìn đồng) thu giữ của Trần Thị Tú Q và 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của Hồ Thị Mỹ X để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát giữa Công an thị xã Bến Cát và Chi cục Thi hành án dân thị xã Bến Cát; Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1046035 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 27/02/2024 và Lệnh thanh toán vào tài khoản người nhận Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát 5503203000013 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 27/02/2024 – người nộp tiền: Tưởng Anh Tú).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

Buộc các bị cáo Hồ Thị Mỹ X, Hồ Thị M, Trần Thị C và Trần Thị Tú Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường PT, tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- UBND phường HL, tx.Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kiều Oanh